

Số: **89** /2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2008

THÔNG TƯ**Hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán
vốn ngân sách nhà nước cho dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng**

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng và Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 6/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998; Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015;

Căn cứ các Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BNN-KHĐT-TC ngày 02/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn 2007-2010, số 02/2008/TTLT-BKH-NN-TC ngày 23/6/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất; số 52/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 14/4/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi trồng rừng thay thế nương rẫy.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán vốn ngân sách nhà nước cho dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Ngân sách nhà nước cấp phát từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án trồng mới 5 triệu ha rừng thuộc đối tượng sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại các Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 và Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 6/7/2007 của Thủ tướng Chính

phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015.

2. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ đối với dự án Trung ương quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với dự án địa phương quản lý) có trách nhiệm phân bổ chỉ tiêu kế hoạch cho từng dự án trong phạm vi kế hoạch nhà nước thông báo, hướng dẫn, chỉ đạo các chủ đầu tư triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

3. Cơ quan Tài chính thực hiện cấp phát, thanh toán vốn cho các dự án thông qua hệ thống Kho bạc nhà nước trên cơ sở kế hoạch vốn do Nhà nước giao. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án khi đã có đủ điều kiện thanh toán.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Phạm vi, đối tượng, mức chi và nội dung chi:

Phạm vi, đối tượng và mức chi, nội dung chi vốn NSNN của dự án được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 6/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 58/2008/TT-LT ngày 02/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn 2007-2010, Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015, Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-NN-TC ngày 23/6/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất.

2. Phân bổ kế hoạch vốn và thẩm tra phương án phân bổ vốn:

2.1. Phân bổ vốn:

2.1.1- Đối với các dự án do Bộ, ngành Trung ương quản lý: căn cứ vào kế hoạch trung hạn 3 năm và kế hoạch hàng năm (nếu giao chi tiết hàng năm) của Thủ tướng Chính phủ giao, các Bộ, ngành phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn hàng năm cho từng dự án đã đủ điều kiện quy định thuộc phạm vi

quản lý (theo biểu mẫu số 01 đính kèm) gửi Bộ Tài chính để thẩm tra theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi quản lý.

2.1.2- Đối với các dự án do tỉnh quản lý: căn cứ vào kế hoạch trung hạn 3 năm và kế hoạch hàng năm (nếu giao chi tiết hàng năm) của Thủ tướng Chính phủ giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính dự kiến phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án đã đủ điều kiện quy định (theo biểu mẫu số 01 đính kèm) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi quản lý.

2.2. Thẩm tra phương án phân bổ vốn:

2.2.1- Đối với các dự án do Bộ, ngành Trung ương quản lý: sau khi nhận được bản phân bổ kế hoạch vốn của các Bộ, ngành, Bộ Tài chính thẩm tra phương án phân bổ vốn đầu tư, có ý kiến về các dự án không đủ thủ tục đầu tư và không đảm bảo các quy định về điều kiện bố trí vốn, gửi các Bộ, ngành, đồng gửi Kho bạc nhà nước. Các Bộ, ngành có trách nhiệm phân bổ lại các dự án này theo đúng quy định gửi Bộ Tài chính để thẩm tra và gửi Kho bạc nhà nước để cấp phát, thanh toán. Phương án phân bổ và phân bổ lại vốn đầu tư đúng quy định của các Bộ, ngành là căn cứ để cấp phát, thanh toán vốn.

2.2.2- Đối với các dự án do tỉnh quản lý: căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Sở Tài chính rà soát việc phân bổ kế hoạch của các ngành, các đơn vị (nếu có) và có ý kiến báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nếu việc phân bổ các dự án không đúng quy định, đồng gửi Kho bạc nhà nước để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn. Các địa phương có trách nhiệm phân bổ lại các dự án này theo đúng quy định gửi Sở Tài chính để thẩm tra và gửi Kho bạc nhà nước để cấp phát, thanh toán. Phương án phân bổ và phân bổ lại vốn đầu tư đúng quy định của các ngành, đơn vị và quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để cấp phát, thanh toán vốn.

2.3- Chủ đầu tư gửi cơ quan Tài chính các cấp (các dự án do Bộ, ngành Trung ương quản lý gửi Bộ Tài chính, các dự án do tỉnh quản lý gửi Sở Tài chính) các tài liệu, bao gồm:

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư.

- Đối với dự án thực hiện đầu tư: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

2.4. Giao kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư:

Sau khi việc phân bổ vốn đầu tư đã được cơ quan Tài chính thẩm tra, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch cho chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi dự án mở tài khoản để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

2.5. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

Định kỳ, các Bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện của các dự án trong năm để điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án không có khả năng thực hiện, điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các dự án thực hiện vượt tiến độ, các dự án có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án cho cơ quan Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Kho bạc nhà nước để xác định số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, số vốn còn thừa do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán.

Kế hoạch vốn điều chỉnh của các dự án phải nằm trong phạm vi tổng mức kế hoạch 3 năm (2008-2010) đã bố trí. Riêng đối với năm cuối (2010), nếu cần thiết, các Bộ, ngành, địa phương điều chỉnh kế hoạch 3 năm của các dự án cho phù hợp với tình hình thực hiện thực tế. Tổng mức vốn kế hoạch 3 năm điều chỉnh không được vượt kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Tạm ứng, thanh toán vốn, quyết toán vốn.

3.1. Mở tài khoản:

Việc cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện qua hệ thống Kho bạc nhà nước. Chủ đầu tư được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư.

3.2. Tài liệu cơ sở của dự án:

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này phải là bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

3.2.1- Đối với công tác chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

3.2.2- Đối với công tác thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt);

- Hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (bao gồm cả các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định); riêng đối với công việc lâm sinh là hợp đồng các hạng mục lâm sinh giữa chủ đầu tư với các hộ dân/nhóm hộ và đơn vị nhận thầu (bao gồm cả các hợp đồng giao khoán; hợp đồng trồng rừng và hợp đồng hỗ trợ đối với rừng sản xuất).

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

3.3. Tạm ứng vốn:

3.3.1- Các hạng mục, công việc, gói thầu của dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng được tạm ứng vốn tối thiểu là 50% giá trị hợp đồng hay dự toán được phê duyệt.

3.3.2- Việc tạm ứng vốn cho các hợp đồng thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư và phải được quy định rõ trong hợp đồng. Vốn tạm ứng được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; trường hợp trong hợp đồng mà chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng. Mức vốn tạm ứng không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu.

3.3.3- Hồ sơ tạm ứng vốn:

Ngoài tài liệu cơ sở của dự án theo quy định, khi tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng mà chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng).

3.3.4- Thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng được thu hồi bằng cách trừ dần vào số vốn thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Thời điểm bắt đầu thu hồi khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 30% giá trị hợp đồng; thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu để xác định.

3.3.5- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định trên đây.

Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng hoặc sử dụng vào việc khác, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi để hoàn trả đủ cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

3.4. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

3.4.1- Về nguyên tắc:

- Đối với các công việc thực hiện theo hợp đồng thì việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng: theo giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán phải được ghi rõ trong hợp đồng;

- Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng: việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc:

+ Trường hợp tự làm: việc thanh toán trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng nội dung công việc.

+ Đối với các công việc do đơn vị tự thực hiện thuộc kinh phí 5% của dự án cho công tác quản lý, bảo vệ rừng; kinh phí 2% của dự án để tổ chức các hoạt động khuyến lâm; kinh phí 10% quản lý dự án ..., việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở bảng kê chi tiêu và dự toán được duyệt cho từng nội dung công việc.

Việc thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (hiện nay là Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 và Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước).

3.4.2- Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng theo quy định của Bộ Xây dựng (hiện nay là phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng). Báo cáo giá trị khối lượng công việc hoàn thành đối với các hạng mục tự thực hiện theo dự toán và bảng kê chi tiêu đối với các hạng mục tự thực hiện theo dự toán thuộc kinh phí 5% quản lý bảo vệ rừng, 10% quản lý dự án...; Riêng khoản bảo vệ rừng là bảng kê tổng hợp kết quả giá trị khối lượng nghiệm thu do Chủ đầu tư lập, biểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ Xây dựng (hiện nay là phụ lục số 4 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng).

3.5- Riêng cấp lương thực cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi:

Việc cấp lương thực cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 52/2008/TTLT ngày 14/4/2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn tạm ứng và thanh toán việc trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi trồng rừng thay thế nương rẫy như sau:

- Tạm ứng vốn: Căn cứ kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, hồ sơ đề nghị tạm ứng và danh sách các hộ gia đình đăng ký trồng rừng trên đất nương rẫy và số lượng gạo trợ cấp do chủ đầu tư lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 52/2008/TTLT ngày 14/4/2008, Kho bạc nhà nước thực hiện việc tạm ứng cho chủ đầu tư toàn bộ tiền để mua và vận chuyển gạo đến các địa điểm cấp gạo.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: Khi việc cấp gạo đã hoàn thành, chủ đầu tư gửi Kho bạc nhà nước danh sách hộ gia đình đã triển khai trồng rừng và nhận trợ cấp gạo có chữ ký của các hộ gia đình, chữ ký của chủ đầu tư, chữ ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã; kèm theo các chứng từ có liên quan đến việc mua và vận chuyển gạo. Kho bạc nhà nước kiểm soát, thanh toán vốn cho chủ đầu tư, đồng thời thu hồi số vốn đã tạm ứng.

3.6. Về thời hạn thanh toán và xử lý nguồn vốn thanh toán:

Kế hoạch vốn của năm được cấp phát cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến hết ngày 31/3 và thời gian thanh toán vốn của Kho bạc nhà nước được thực hiện đến hết ngày 30/4 của năm sau. Trường hợp dự án chưa thanh toán hết kế hoạch thì số vốn còn lại được kéo dài thanh toán tiếp vào năm sau. Trường hợp dự án thực hiện vượt kế hoạch được ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thanh toán nhưng tổng số vốn đã thanh toán và ứng trước 3 năm không được vượt kế hoạch vốn 3 năm đã giao cho dự án.

4. Chế độ báo cáo, kiểm tra, quyết toán.

4.1. Báo cáo:

4.1.1 Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và các tỉnh: thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007;

4.1.2 Đối với Kho bạc nhà nước:

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

- Hết năm kế hoạch, Kho bạc nhà nước xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập.

4.2. Quyết toán vốn đầu tư:

4.2.1- Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính (hiện nay là Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm).

4.2.2- Quyết toán các dự án hoàn thành:

Việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (hiện nay là Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 98/2007/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007).

4.3. Kiểm tra:

Cơ quan chủ quản đầu tư, cơ quan chức năng có liên quan ở Trung ương, địa phương và Kho bạc nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình thanh toán, quyết toán vốn, tình hình chấp hành chế độ quản lý tài chính của chủ đầu tư, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các vướng mắc trong khâu quản lý, cấp phát thanh toán, quyết toán vốn; chấn chỉnh kịp thời và xử lý các sai phạm.

5. Trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, cơ quan có liên quan.

5.1. Đối với chủ đầu tư:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu đúng thời hạn quy định.

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Thực hiện công tác kế toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.

5.2. Các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư, thực hiện việc thanh toán và quyết toán vốn và chấp hành chế độ quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư phát triển.

5.3. Kho bạc nhà nước:

- Thực hiện việc kiểm soát, cấp phát thanh toán vốn kịp thời cho các chủ đầu tư theo quy định.

- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin để phục vụ cho công tác quản lý, cấp phát vốn; có quyền từ chối và chịu trách nhiệm về từ chối cấp phát thanh toán cho các dự án không đủ điều kiện; thu hồi vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng;

- Kho bạc nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá chất lượng công trình.

- Thực hiện việc báo cáo và quyết toán vốn hàng năm theo chế độ quy định.

5.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu giúp UBND tỉnh, thành phố trong việc chỉ đạo, điều hành các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch được giao.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các thành viên trong Ban Điều hành thẩm tra báo cáo quyết toán hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt.

5.5. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát việc phân bổ vốn đầu tư và thực hiện thẩm định quyết toán các dự án do địa phương quản lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 43/2002/TT-BTC ngày 7/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn NSNN cho dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng và Thông tư số 24/2003/TT-BTC ngày 27/3/2003 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điểm của Thông 43/2002/TT-BTC ngày 7/5/2002.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn KT, Tổng công ty;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- BCĐNN DA Trồng mới 5 triệu ha rừng TW;
- BDH DA Trồng mới 5 triệu ha rừng TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Công Nghiệp

